|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH LAI CHÂU**  Số: 05/2020/UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Lai Châu, ngày 21 tháng 01 năm 2020* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**BAN HÀNH QUY ĐỊNH THỰC HIỆN GIÁ DỊCH VỤ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH KHÔNG THUỘC PHẠM VI THANH TOÁN CỦA QUỸ BẢO HIỂM Y TẾ TRONG CÁC CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH CỦA NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;*

*Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 và Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 của Chính phủ về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập và giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2018/TT-BYT ngày 30/11/2018 của Bộ Y tế quy định mức tối đa khung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp;*

*Căn cứ Thông tư số 14/2019/TT-BYT ngày 05/7/2019 của Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2018/TT-BYT ngày 30/11/2018 của Bộ Y tế quy định mức tối đa khung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp;*

*Căn cứ Nghị quyết số 47/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh quy định mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu;*

*Theo đề nghị của Sở Y tế - Sở Tài chính tại Tờ trình số 03/TTr-SYT ngày 03/01/2020,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định thực hiện giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2020 và thay thế Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2017 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành quy định thực hiện giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Tài chính, Nội vụ; Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Giám đốc các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 3; - Văn phòng Chính phủ; - Các Bộ: Y tế, Tài chính; - Cục Kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp; - TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; - Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh; - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh; - Ủy ban MTTQ tỉnh và đoàn thể tỉnh; - Công báo tỉnh, Cổng Thông tin điện tử tỉnh; - Lưu: VT, VX. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN CHỦ TỊCH     Trần Tiến Dũng** |

**QUY ĐỊNH**

**THỰC HIỆN GIÁ DỊCH VỤ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH KHÔNG THUỘC PHẠM VI THANH TOÁN CỦA QUỸ BẢO HIỂM Y TẾ TRONG CÁC CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH CỦA NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU**

*(Ban hanh kèm theo Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND Ngày 21 tháng 01 năm 2020 của UBND tỉnh Lai Châu)*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định thực hiện giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc ngành Y tế, gồm: Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tuyến tỉnh; các Trung tâm chuyên khoa tuyến tỉnh có thực hiện chức năng khám bệnh, chữa bệnh; Trung tâm y tế các huyện, thành phố; các Phòng khám đa khoa khu vực; các Trạm y tế xã, phường, thị trấn và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác (nếu có).

b) Người bệnh chưa tham gia bảo hiểm y tế; người bệnh có thẻ bảo hiểm y tế nhưng đi khám bệnh, chữa bệnh hoặc sử dụng các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế; các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**Điều 2. Thực hiện giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh**

1. Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh được quy định tại Quyết định này thực hiện theo Phụ lục I, II, III ban hành kèm theo Nghị quyết số 47/2019/NQ-HĐND, ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 47/2019/NQ-HĐND), cụ thể:

a) Giá dịch vụ khám bệnh, kiểm tra sức khỏe thực hiện theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 47/2019/NQ-HĐND;

b) Giá dịch vụ ngày giường điều trị thực hiện theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 47/2019/NQ-HĐND;

c) Giá dịch vụ kỹ thuật, xét nghiệm thực hiện theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết số 47/2019/NQ-HĐND;

d) Bổ sung ghi chú của một số dịch vụ kỹ thuật đã được Bộ Y tế xếp tương đương tại các Quyết định của Bộ Y tế thực hiện theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 14/2019/TT-BYT ngày 05/7/2019 của Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2018/TT-BYT ngày 30/11/2018 của Bộ Y tế quy định mức tối đa khung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp.

2. Nguyên tắc áp dụng giá dịch vụ:

a) Các Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tuyến tỉnh; Trung tâm chuyên khoa tuyến tỉnh có chức năng khám bệnh, chữa bệnh; Trung tâm y tế các huyện, thành phố thực hiện cả hai chức năng phòng bệnh và khám bệnh, chữa bệnh đã được xếp hạng thì áp dụng mức giá của bệnh viện hạng tương đương.

b) Các cơ sở khám, chữa bệnh chưa được phân hạng thì áp dụng mức giá của bệnh viện hạng IV.

c) Đối với phòng khám đa khoa khu vực:

- Trường hợp được cấp giấy phép hoạt động bệnh viện hoặc thuộc trường hợp quy định tại khoản 12 Điều 11 Nghị định 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế: Áp dụng mức giá của bệnh viện hạng IV;

- Trường hợp chỉ làm nhiệm vụ cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh ngoại trú: Áp dụng mức giá của bệnh viện hạng IV. Đối với trường hợp được Sở Y tế quyết định có giường lưu: Áp dụng mức giá bằng 50% mức giá ngày giường nội khoa loại 3 của bệnh viện hạng IV. Số ngày được thanh toán tối đa 03 ngày/người/đợt điều trị. Không thanh toán tiền khám bệnh trong trường hợp đã thanh toán tiền giường lưu.

d) Trạm y tế xã, phường, thị trấn và Phòng khám bác sỹ gia đình (nếu có), y tế cơ quan, đơn vị, tổ chức, trường học:

- Mức giá khám bệnh: Áp dụng mức giá của trạm y tế xã. Mức giá các dịch vụ kỹ thuật bằng 70% mức giá của các dịch vụ tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết số 47/2019/NQ-HĐND;

- Đối với các trạm y tế được Sở Y tế quyết định có giường lưu: Áp dụng mức giá giường bệnh bằng 50% mức giá ngày giường nội khoa loại 3 của bệnh viện hạng IV tại phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 47/2019/NQ-HĐND.

e) Đối với các dịch vụ đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức giá cụ thể tại Nghị quyết số 47/2019/NQ-HĐND thì áp dụng theo mức giá được Hội đồng nhân dân tỉnh quy định.

Đối với các dịch vụ kỹ thuật chưa được quy định mức giá cụ thể tại Nghị quyết số 47/2019/NQ-HĐND đồng thời cũng chưa được xếp tương đương về kỹ thuật và chi phí thực hiện thì áp dụng theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 37/2018/TT-BYT ngày 30/11/2018 của Bộ Y tế được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 14/2019/TT-BYT ngày 05/7/2019 được Bộ Y tế xếp tương đương về kỹ thuật và chi phí thực hiện.

f) Trường hợp các phẫu thuật, thủ thuật chưa được quy định mức giá tại Phụ lục III Nghị quyết số 47/2019/NQ-HĐND, đồng thời cũng chưa được Bộ Y tế xếp tương đương về kỹ thuật và chi phí thực hiện thì áp dụng mức giá được Hội đồng nhân dân tỉnh quy định theo từng loại phẫu thuật, thủ thuật tại mục “phẫu thuật, thủ thuật còn lại khác” của từng chuyên khoa quy định tại Phụ lục III Nghị quyết số 47/2019/NQ-HĐND.

3. Điều khoản chuyển tiếp: Đối với người bệnh đang điều trị nội trú, ngoại trú tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trước ngày 01 tháng 01 năm 2020 nhưng ra viện hoặc kết thúc đợt điều trị sau ngày 01 tháng 01 năm 2020 thì áp dụng mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo Nghị quyết số 16/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu.

**Điều 3. Sử dụng nguồn thu giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh**

Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh quy định tại Nghị quyết số 47/2019/NQ-HĐND đã bao gồm các chi phí trực tiếp và tiền lương để bảo đảm cho việc khám bệnh, chăm sóc, điều trị người bệnh và thực hiện các dịch vụ kỹ thuật y tế; cụ thể như sau:

1. Các chi phí trực tiếp tính trong mức giá khám bệnh

a) Chi phí về quần áo, mũ, khẩu trang, ga, gối, đệm, chiếu, văn phòng phẩm, găng tay, bông, băng, cồn, gạc, nước muối rửa và các vật tư tiêu hao khác phục vụ công tác khám bệnh;

b) Chi phí về điện; nước; nhiên liệu; xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải y tế (rắn, lỏng); giặt, là, hấp, sấy, rửa, tiệt trùng đồ vải, dụng cụ thăm khám; chi phí vệ sinh và bảo đảm vệ sinh môi trường; vật tư, hóa chất khử khuẩn, chống nhiễm khuẩn trong quá trình khám bệnh;

c) Chi phí duy tu, bảo dưỡng nhà cửa, trang thiết bị, mua sắm thay thế các tài sản, công cụ, dụng cụ như: Điều hòa, máy tính, máy in, máy hút ẩm, quạt, bàn, ghế, giường, tủ, đèn chiếu sáng, các bộ dụng cụ, công cụ cần thiết khác trong quá trình khám bệnh.

2. Các chi phí trực tiếp tính trong giá dịch vụ ngày giường điều trị

a) Chi phí về quần áo, mũ, khẩu trang, chăn, ga, gối, đệm, màn, chiếu; văn phòng phẩm; găng tay sử dụng trong thăm khám, tiêm, truyền, bông, băng, cồn, gạc, nước muối rửa và các vật tư tiêu hao khác phục vụ công tác chăm sóc và điều trị hằng ngày (kể cả các chi phí để thay băng vết thương hoặc vết mổ đối với người bệnh nội trú, trừ các trường hợp được thanh toán ngoài mức giá ngày giường bệnh quy định tại khoản 4, khoản 5, Điều 7 Thông tư 37/2018/TT-BYT ngày 30/11/2018 của Bộ Y tế ); điện cực, cáp điện tim, băng đo huyết áp, dây cáp SPO2 trong quá trình sử dụng máy theo dõi bệnh nhân đối với giường hồi sức cấp cứu, hồi sức tích cực.

Riêng chi phí về thuốc, máu, dịch truyền, một số vật tư y tế (ngoài các vật tư nêu trên); các loại bơm tiêm, kim tiêm, kim lấy thuốc dùng trong tiêm, truyền, bơm cho ăn; dây truyền dịch, ống nối, dây nối bơm tiêm điện, máy truyền dịch dùng trong tiêm, truyền; khí ôxy, dây thở ôxy, mask thở ôxy (trừ các trường hợp người bệnh được chỉ định sử dụng dịch vụ thở máy) chưa tính trong cơ cấu giá tiền giường bệnh, được thanh toán theo thực tế sử dụng cho người bệnh.

b) Các chi phí quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này phục vụ việc chăm sóc và điều trị người bệnh theo yêu cầu chuyên môn.

3. Các chi phí trực tiếp tính trong giá dịch vụ kỹ thuật y tế

a) Chi phí về quần áo, mũ, khẩu trang, ga, gối, đệm, chiếu, đồ vải; văn phòng phẩm; thuốc, dịch truyền, hóa chất, vật tư tiêu hao, vật tư thay thế sử dụng trong quá trình thực hiện các dịch vụ, kỹ thuật y tế;

b) Các chi phí quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này phục vụ cho việc thực hiện các dịch vụ kỹ thuật y tế theo yêu cầu chuyên môn.

4. Chi phí tiền lương tính trong giá khám bệnh, ngày giường bệnh và các dịch vụ kỹ thuật y tế, gồm:

a) Tiền lương ngạch bậc, chức vụ, các khoản phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ do Nhà nước quy định đối với đơn vị sự nghiệp công lập và mức lương cơ sở quy định tại Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;”.

b) Phụ cấp thường trực, phụ cấp phẫu thuật, thủ thuật theo Quyết định số 73/2011/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định một số chế độ phụ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động trong các cơ sở y tế công lập và chế độ phụ cấp chống dịch.

5. Chi phí tiền lương trong giá dịch vụ quy định tại khoản 4 Điều này không bao gồm các khoản chi theo chế độ do ngân sách nhà nước bảo đảm quy định tại các văn bản sau đây:

a) Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

b) Thông tư Liên tịch số 06/2010/TTLT-BYT-BNV-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2010 của liên Bộ Y tế, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 64/2009/NĐ-CP, ngày 30 tháng 7 năm 2009 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, viên chức y tế công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

c) Điểm a, khoản 8 Điều 6 Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và Nghị định số 76/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

d) Phụ cấp thường trực, phụ cấp phẫu thuật, thủ thuật (sau đây gọi tắt là phụ cấp đặc thù) theo quy định tại Quyết định số 73/2011/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định một số chế độ phụ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động trong các cơ sở y tế công lập và chế độ phụ cấp chống dịch.

**Điều 4. Quản lý nguồn thu giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh**

1. Số tiền thu được từ các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước sau khi trang trải các khoản chi phí nộp thuế và các khoản nộp khác theo quy định, toàn bộ số thu còn lại được sử dụng theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. Các khoản chi phải thực hiện đúng các quy định của Luật Ngân sách, chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.

2. Việc thu giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế phải sử dụng hóa đơn theo mẫu quy định tại Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Bộ Tài chính, một liên của hóa đơn phải trả cho người bệnh.

3. Các nội dung khác không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo Thông tư số 37/2018/TT-BYT ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Bộ Y tế và Thông tư số 14/2019/TT-BYT ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Bộ Y tế và các văn bản quy định hiện hành.

4. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh phải thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ 6 tháng và hàng năm về quyết toán thu, nộp, sử dụng nguồn thu phí dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh; thực hiện chế độ công khai tài chính theo quy định của pháp luật.

**Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Y tế

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

b) Phê duyệt danh mục kỹ thuật, xét nghiệm theo phân tuyến kỹ thuật cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ tuyến tỉnh đến tuyến xã.

c) Chủ trì, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc; tổng hợp báo cáo định kỳ 6 tháng và hàng năm theo quy định.

d) Chỉ đạo các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện việc cải thiện điều kiện phục vụ cho người bệnh; đảm bảo cung ứng đủ thuốc, vật tư y tế phục vụ khám, chữa bệnh; tăng cường giáo dục y đức, tinh thần, thái độ phục vụ người bệnh; mở rộng dịch vụ kỹ thuật, từng bước nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh.

e) Phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh tăng cường công tác tuyên truyền, vận động người dân, người lao động tham gia bảo hiểm y tế, tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Y tế hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện thu, chi từ nguồn dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở khám bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

3. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xếp hạng các cơ sở y tế công lập. Hàng năm, trình cấp có thẩm quyền giao biên chế cho ngành Y tế theo quy định.

4. Bảo hiểm xã hội tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị có liên quan tăng cường công tác tuyên truyền, vận động người dân, người lao động tham gia bảo hiểm y tế, tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân trên địa bàn tỉnh.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thu, chi dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn; chỉ đạo các phòng, ban trực thuộc phối hợp với ngành Y tế, cơ quan bảo hiểm xã hội đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động người dân, người lao động tham gia bảo hiểm y tế, tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân trên địa bàn.

6. Trong quá trình thực hiện Quy định này nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh thì các sở, ngành, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố kịp thời phản ánh, đề xuất về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH LAI CHÂU**  Số: 08/2020/UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Lai Châu, ngày 26 tháng 02 năm 2020* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**BAN HÀNH QUY ĐỊNH QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG DU LỊCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 06 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch;*

*Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định quản lý hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh Lai Châu”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 09/03/2020 và thay thế Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND ngày 09/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế quản lý hoạt động Du lịch trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thủ trưởng các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như điều 3; - Văn phòng Chính phủ; - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp; - Tổng cục Du lịch - Bộ VHTT&DL; - Thường trực Tỉnh ủy; - Thường trực HĐND tỉnh; - Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh; - Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh; - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh; - Sở Tư pháp; - Đài PT - TH tỉnh, Báo Lai Châu, Cổng thông tin điện tử tỉnh; - Hiệp hội Du lịch tỉnh Lai Châu; - VPUBND tỉnh: Lãnh đạo, TT.TH-CB; - Lưu: VT, VX(đ/c Hùng). | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN KT. CHỦ TỊCH PHÓ CHỦ TỊCH     Tống Thanh Hải** |

**QUY ĐỊNH**

**QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG DU LỊCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2020/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định này quy định hoạt động của tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh bao gồm: Quản lý khu, điểm du lịch; quản lý khách du lịch; quản lý tài nguyên du lịch; quản lý môi trường du lịch, ứng xử văn minh trong hoạt động du lịch; vệ sinh an toàn thực phẩm; quy hoạch, xây dựng các công trình du lịch; quản lý các hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch; quản lý hoạt động du lịch có nguy cơ ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của khách du lịch; quản lý an ninh, trật tự xã hội; trách nhiệm của các sở, ban, ngành, tổ chức, các cơ sở kinh doanh du lịch, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

2. Các nội dung khác về quản lý hoạt động du lịch được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện); các đơn vị chức năng có liên quan đến hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan đến hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh.

**Điều 3. Nguyên tắc quản lý các hoạt động du lịch**

1. Tuân thủ các nguyên tắc phát triển du lịch quy định tại Điều 4 Luật Du lịch năm 2017 và các quy định của Quy định này.

2. Đảm bảo tính kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và yêu cầu quản lý nhà nước trên địa bàn. Tạo môi trường thuận lợi để thu hút khách du lịch, các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư phát triển du lịch.

3. Đảm bảo Quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên du lịch một cách hợp lý theo quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Lai Châu đã được phê duyệt, phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và đảm bảo quốc phòng, an ninh.

4. Công tác phối hợp quản lý nhà nước dựa trên chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện đảm bảo đồng bộ, kịp thời, chặt chẽ, thống nhất trong công tác quản lý, kiểm soát các hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh.

**Chương II**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Điều 4. Quản lý khu, điểm du lịch**

1. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật trong các khu du lịch, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh chịu sự kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư. Các dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật trong các khu du lịch, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh phải được thiết kế phù hợp hài hòa với bản sắc văn hóa các dân tộc Lai Châu.

2. Các khu du lịch, điểm du lịch có quy mô đón từ 10.000 khách/năm trở lên phải thành lập Ban quản lý để thực hiện công tác quản lý theo quy định của pháp luật và quy định này. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ tính chất, quy mô, yêu cầu phát triển du lịch và tình hình thực tế của địa phương quyết định giao cho một cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thực hiện chức năng quản lý khu du lịch trên địa bàn.

3. Các khu du lịch, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh phải xây dựng Nội quy (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) và Quy chế hoạt động của các khu, điểm du lịch theo quy định của pháp luật và các quy định của quy định này để thực hiện.

4. Trong khu vực giới hạn tại các khu, điểm du lịch có thể thí điểm xe 4 bánh chạy bằng năng lượng điện phục vụ chở khách tham quan du lịch khi được UBND tỉnh cho phép thí điểm.

5. Đơn vị quản lý khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm khai thác, sử dụng tài nguyên du lịch hợp lý, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của địa phương và định hướng quy hoạch phát triển ngành du lịch, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển du lịch nhanh và bền vững.

6. Hoạt động du lịch tại các khu du lịch, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh không được phá vỡ môi trường cảnh quan thiên nhiên, hệ sinh thái động, thảm thực vật; không làm ảnh hưởng đến các di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh và bản sắc văn hóa các dân tộc.

7. Đơn vị quản lý khu du lịch; Tổ chức, cá nhân kinh doanh trong khu, điểm du lịch có biện pháp bảo đảm an toàn cho khách du lịch; có trách nhiệm cảnh báo nguy cơ gây nguy hiểm cho khách du lịch; thông báo, chỉ dẫn kịp thời cho khách du lịch trong trường hợp khẩn cấp; áp dụng biện pháp cần thiết, phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc cứu hộ, cứu nạn cho khách du lịch; thực hiện phòng, chống cháy nổ, an ninh an toàn; bố trí hướng dẫn viên du lịch tại điểm, niêm yết số điện thoại người đứng đầu để giải quyết kịp thời phản ánh của khách.

8. Đơn vị quản lý khu du lịch; Tổ chức, cá nhân kinh doanh trong khu du lịch có trách nhiệm đầu tư xây dựng hệ thống biển báo, biển chỉ dẫn, điếm cung cấp thông tin phục vụ khách du lịch trong các địa điểm đã được cơ quan thẩm quyền giao quản lý, khai thác. Nhà nước có trách nhiệm đầu tư xây dựng mới và nâng cấp hệ thống biển báo, biển chỉ dẫn đặt trong thành phố, thị trấn và quốc lộ chạy qua địa phận tỉnh; điểm cung cấp thông tin phục vụ khách du lịch tại các khu du lịch trọng điểm.

**Điều 5. Quản lý khách du lịch**

1. Quản lý khách lưu trú

a) Các cơ sở kinh doanh lưu trú du lịch có trách nhiệm cập nhật thông tin khách lưu trú; thực hiện đăng ký, khai báo khách lưu trú đúng quy định; bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, tài sản đối với khách lưu trú tại cơ sở và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

b) Khi khách du lịch gặp sự cố về tài sản, con người,... thì khách du lịch hoặc cơ sở lưu trú phải báo cáo kịp thời cho chính quyền địa phương hoặc các cơ quan có liên quan để xử lý.

2. Quản lý khách tham quan

a) Đơn vị kinh doanh lữ hành có trách nhiệm bảo đảm an toàn về tính mạng, tài sản đối với khách tham gia các chương trình tham quan do đơn vị tổ chức.

b) Trong phạm vi quản lý của mình, các tổ chức được giao quản lý khu di tích, khu du lịch, điểm du lịch, các cơ sở kinh doanh khu, điểm du lịch có trách nhiệm hướng dẫn khách tham quan thực hiện các quy định, nhằm đảm bảo an toàn cho khách tham quan; thực hiện các biện pháp cần thiết để hạn chế thiệt hại và liên hệ ngay với cơ quan chức năng để hỗ trợ việc cứu hộ, cứu nạn, cấp cứu đối với khách tham quan khi xảy ra sự cố.

**Điều 6. Quản lý tài nguyên du lịch**

1 .Sử dụng và khai thác tài nguyên du lịch

a) Sử dụng tài nguyên tiết kiệm, an toàn, có hiệu quả; bảo đảm sử dụng tổng hợp đa mục tiêu, công bằng, hợp lý, hài hòa lợi ích, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ giữa các tổ chức, cá nhân.

b) Mọi phương án khai thác tài nguyên để phát triển du lịch phải phù hợp với quy hoạch chuyên ngành nói riêng và quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội nói chung của tỉnh.

2. Trách nhiệm bảo vệ tài nguyên du lịch

a) Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư có trách nhiệm bảo vệ, đầu tư, tôn tạo tài nguyên du lịch, tạo điều kiện cho khách đến tham quan. Khai thác hợp lý để phát huy hiệu quả sử dụng và bảo đảm phát triển du lịch bền vững.

b) Tài nguyên tự nhiên trong các khu du lịch phải được bảo vệ, tôn tạo, khai thác và sử dụng có hiệu quả để phát triển du lịch; không được xả các loại chất thải, rác thải gây hủy hoại môi trường tự nhiên và phá vỡ cảnh quan thiên nhiên; tuân thủ quy định của pháp luật về Lâm nghiệp đối với khu du lịch sinh thái trong rừng.

c) Các tổ chức, cá nhân đều phải có trách nhiệm bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, các danh lam thắng cảnh, hệ sinh thái động thực vật, ao, hồ, sông, suối. Không được chặt phá các loại cây trồng lâu năm trong khu du lịch, điểm du lịch; tổ chức, cá nhân vì mục đích cải tạo mặt bằng hoặc lý do chính đáng khác muốn chặt, đốn cây trồng lâu năm phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

**Điều 7. Quản lý môi trường du lịch, ứng xử văn minh trong hoạt động du lịch**

1. Tổ chức, cá nhân sử dụng và khai thác môi trường nhằm mục đích kinh doanh du lịch phải thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường: Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định phê duyệt trước khi triển khai thực hiện dự án du lịch, thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường đã được phê duyệt. Niêm yết quy định và hướng dẫn thực hiện về bảo vệ môi trường tại khu du lịch, điểm du lịch các cơ sở kinh doanh du lịch và dịch vụ du lịch; lắp đặt bố trí đủ và hợp lý công trình vệ sinh, thiết bị thu gom chất thải, bố trí nhân lực làm vệ sinh môi trường.

2. Khách du lịch, cộng đồng dân cư địa phương và các tổ chức, cá nhân khác có trách nhiệm tuân thủ nội quy, hướng dẫn bảo vệ môi trường. Khách đến tham quan khu du lịch, điểm du lịch, các di tích lịch sử văn hóa, cơ sở lưu trú, lễ hội; bỏ chất thải đúng nơi quy định, giữ gìn vệ sinh công cộng, không xâm hại khu, điểm du lịch, các di tích lịch sử văn hóa, cơ sở lưu trú.

3. Các đơn vị kinh doanh du lịch có trách nhiệm niêm yết công khai và thực hiện bộ quy tắc ứng xử văn minh du lịch được Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành, đặt tại nơi dễ thấy trong cơ quan, đơn vị để tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động du lịch biết và thực hiện.

**Điều 8. Vệ sinh an toàn thực phẩm**

1. Tổ chức, cá nhân kinh doanh thức ăn đồ uống phục vụ khách du lịch phải thực hiện

a) Chấp hành các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm đối với các tổ chức, cá nhân bán thức ăn, đồ uống phục vụ khách du lịch ở các khu di tích, khu du lịch, điểm du lịch trên địa bàn.

b) Thực hiện các quy định về đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống ngộ độc thực phẩm; không sử dụng thực phẩm không rõ nguồn gốc, kém chất lượng, thực phẩm quá hạn sử dụng, phẩm màu độc hại và chất phụ gia nằm ngoài danh mục cho phép của Bộ Y tế.

**Điều 9. Quy hoạch, xây dựng các công trình du lịch**

1. Các dự án đầu tư xây dựng khu du lịch, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh phải thực hiện theo quy hoạch tổng thể, quy hoạch cụ thể và đề án phát triển du lịch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Việc thực hiện quy hoạch, xây dựng các công trình du lịch phải được thực hiện theo quy định của pháp luật theo yêu cầu của các cơ quan quản lý có thẩm quyền, tuân thủ quy định về trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh, công bố công khai quy hoạch.

3. Đề án phát triển ở từng khu du lịch, điểm du lịch được duyệt là cơ sở pháp lý để quản lý, tiến hành công tác đầu tư xây dựng, lập kế hoạch ngắn hạn và dài hạn. Việc điều chỉnh, bổ sung hoặc thay đổi phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt đề án cho phép.

**Điều 10. Quản lý các hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch**

1. Về kê khai, niêm yết giá

a) Đối với các tổ chức kinh doanh lữ hành, lưu trú du lịch, các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch trong khu, điểm du lịch theo hình thức hộ kinh doanh cá thể thì phải có Giấy đăng ký kinh doanh, thực hiện kê khai giá theo quy định;

b) Cơ sở lưu trú du lịch phải niêm yết giá phòng, giá dịch vụ khác (giặt là, cước điện thoại, cước internet,...) tại điểm dễ thấy ở khu vực lễ tân và trong các buồng phòng;

c) Cơ sở kinh doanh ăn uống thực hiện niêm yết giá tại quầy giao dịch và phải có thực đơn ghi rõ giá cả theo thực đơn;

d) Cơ sở kinh doanh lữ hành phải niêm yết giá chương trình và dịch vụ du lịch tại nơi đón tiếp khách;

e) Cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác phải niêm yết giá sản phẩm, niêm yết giá vé tham quan dịch vụ du lịch tại điểm dễ thấy.

2. Nội dung, mẫu bảng niêm yết giá dịch vụ du lịch

a) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quy định kích thước mẫu bảng niêm yết đảm bảo phù hợp đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ du lịch;

b) Các tổ chức, cá nhân kinh doanh phải có trách nhiệm niêm yết đầy đủ các thông tin về giá cả, hàng hóa, dịch vụ, số điện thoại liên lạc.

3. Hướng dẫn viên du lịch tại điểm

a) Tổ chức, cá nhân quản lý khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh bố trí, sắp xếp, phân công hướng dẫn viên du lịch tại điểm để hướng dẫn khách du lịch; các hướng dẫn viên đeo thẻ, mặc trang phục lịch sự khi làm nhiệm vụ;

b) Các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ hướng dẫn du lịch có trách nhiệm thông báo cho các đối tác của mình về việc sử dụng hướng dẫn viên du lịch tại điểm để hướng dẫn khách du lịch khi đến với Lai Châu.

**Điều 11. Quản lý hoạt động du lịch có nguy cơ ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của khách du lịch**

1. Những hoạt động sau đây khi đưa vào chương trình du lịch phục vụ khách du lịch được xác định là hoạt động du lịch có nguy cơ ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của khách du lịch bao gồm:

Lái ca nô; cưỡi ngựa; đi xe đạp địa hình; đi trên dây; đu dây vượt thác; săn bắn; lái bè; bắn cung; chèo thuyền; tàu lượn, leo núi; dù lượn; diều bay; thám hiểm hang động; đu người trên dây; trượt cỏ; thám hiểm rừng rậm và những hoạt động thể thao mạo hiểm khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác hoạt động du lịch có nguy cơ ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của khách du lịch có trách nhiệm

a) Giám sát chặt chẽ các chương trình du lịch; phối hợp với các cơ quan, đơn vị chức năng và các doanh nghiệp đảm bảo an ninh, an toàn cho các chương trình du lịch mạo hiểm;

c) Có sổ theo dõi khách du lịch tham gia hoạt động du lịch mạo hiểm gồm các nội dung căn bản: Họ và tên, số chứng minh nhân dân hoặc số thẻ căn cước công dân, số hộ chiếu, tình trạng sức khỏe, địa chỉ và số điện thoại;

d) Bố trí các tổ cấp cứu, các trang thiết bị cần thiết cho công tác cứu hộ, cứu nạn, bố trí nhân viên tập huấn về kỹ năng cứu hộ, cứu nạn. Bố trí hướng dẫn viên thông thuộc địa hình, có kinh nghiệm trong hoạt động du lịch mạo hiểm;

e) Trang bị một số dụng cụ, trang bị cần thiết cho du khách tham gia du lịch mạo hiểm (đèn pin nhỏ, bản đồ, sơ đồ chỉ dẫn, bộ đàm...).

3. Đối với khách du lịch tham gia các chương trình du lịch có nguy cơ ảnh hưởng đến tính mạng và sức khoẻ

a) Khách du lịch có tiền sử bị bệnh tim mạch, huyết áp, bệnh về đường hô hấp và một số bệnh khác theo khuyến cáo của bác sỹ không được tham gia các hoạt động du lịch mạo hiểm. Những người đã uống rượu, bia hoặc sử dụng chất kích thích không được tham gia chương trình du lịch mạo hiểm;

b) Phải ký cam kết về đảm bảo điều kiện sức khỏe, độ tuổi phù hợp với chương trình du lịch mạo hiểm đã đăng ký tham dự, đồng thời tự chịu trách nhiệm nếu xảy ra bất cứ tai nạn, sự cố nào liên quan tới việc cung cấp thông tin sai về độ tuổi, điều kiện sức khỏe cá nhân hoặc do không tuân thủ hướng dẫn của hướng dẫn viên;

c) Phải được huấn luyện về kỹ năng, thao tác cần thiết trước khi tham gia chương trình du lịch mạo hiểm; đảm bảo được trang bị đầy đủ trang thiết bị chuyên dụng cần thiết và có hướng dẫn viên theo dõi, giám sát khi tham gia hoạt động du lịch mạo hiểm;

d) Được thông báo về lịch trình và phương án di chuyển, sơ tán trong trường hợp khẩn cấp. Được cung cấp các thiết bị hỗ trợ cần thiết và những thiết bị thông tin liên lạc để liên hệ giữa các thành viên trong đoàn và những người liên quan;

e) Thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, nội quy tại khu, điểm du lịch. Tuân thủ các quy định về quốc phòng, an ninh quốc gia và nội quy tại địa phương, tại địa điểm tổ chức các hoạt động du lịch.

**Điều 12. Quản lý an ninh, trật tự xã hội**

1. Các tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch

a) Thực hiện công tác bảo vệ nội bộ, bảo vệ tài sản, giữ gìn an ninh trật tự; phòng, chống cháy nổ; tổ chức lực lượng bảo vệ theo nội quy và các quy định khác liên quan đến an ninh, trật tự đối với đơn vị mình quản lý;

b) Thực hiện đầy đủ chế độ đăng ký tạm trú, tạm vắng theo quy định; quản lý hộ tịch, hộ khẩu và hộ chiếu, visa đối với khách quốc tế;

c) Không tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí, công cụ hỗ trợ, vật liệu nổ, các chất dễ cháy, chất độc, chất phóng xạ; không chứa chấp tội phạm đang trốn tránh pháp luật và các hoạt động trái pháp luật khác. Có kế hoạch, phương án và các phương tiện về phòng cháy, chữa cháy theo quy định.

d) Không lợi dụng hoạt động du lịch để đưa người từ Việt Nam ra nước ngoài; đưa người nước ngoài vào Việt Nam tuyên truyền trái pháp luật

2. Đối với khách du lịch

a) Tham gia phát hiện và đấu tranh ngăn chặn các tệ nạn xã hội; không được mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí, các chất gây nghiện; không kinh doanh, phổ biến văn hóa phẩm thuộc loại cấm lưu hành;

b) Không lợi dụng đi du lịch để tuyên truyền những luận điệu xuyên tạc chống phá Đảng và Nhà nước Việt Nam, các hoạt động mê tín dị đoan, truyền đạo trái phép và thực hiện các hành vi trái với thuần phong mỹ tục của dân tộc.

**Điều 13. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, tổ chức, các cơ sở kinh doanh du lịch; UBND các huyện, thành phố**

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh lập quy hoạch tổng thể, quy hoạch cụ thể phát triển các khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh; phối hợp kiểm tra, giám sát nội dung và tiến độ thực hiện các dự án đầu tư phát triển du lịch theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý thực hiện quy hoạch tổng thể, quy hoạch cụ thể đối với các khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh. Phối hợp với các Sở, ngành chức năng và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện quản lý nhà nước đối với các hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch tại các khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh.

c) Quản lý các hoạt động kinh doanh lưu trú du lịch, kinh doanh lữ hành; kinh doanh dịch vụ vui chơi giải trí, văn hóa, nghệ thuật và các dịch vụ thể thao phục vụ khách du lịch trên địa bàn tỉnh;

d) Phối hợp với các cơ quan quản lý chuyên ngành thực hiện công tác quản lý, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của Nhà nước đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch khác bên ngoài các cơ sở lưu trú du lịch;

e) Chủ trì, phối hợp các cơ quan chức năng kiểm tra hướng dẫn viên du lịch; Kiểm tra điểm, khu du lịch, kiểm soát về giá, môi trường, an ninh trật tự, an toàn thực phẩm, chất lượng dịch vụ phục vụ khách du lịch của các tổ chức, cá nhân. Xử lý hoặc kiến nghị các cơ quan có trách nhiệm xử lý các vi phạm theo quy định của pháp luật.

2. Sở Công Thương

Tham mưu cho UBND tỉnh chương trình khuyến công tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025 nhằm hỗ trợ các cơ sở tiểu thủ công nghiệp sản xuất các sản phẩm thủ công mỹ nghệ, các sản phẩm lưu niệm phục vụ khách du lịch.

3. Cục Quản lý thị trường

Kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành các quy định về niêm yết giá cả hàng hóa, dịch vụ và bán theo giá đã niêm yết, quy định về ghi nhãn hàng hóa, kinh doanh hàng cấm, hàng giả, hàng không bảo đảm chất lượng của tổ chức cá nhân sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho tổ chức cá nhân đầu tư kinh doanh du lịch theo quy định của Luật Đầu tư và các văn bản liên quan.

b) Đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo các ngành địa phương kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án đầu tư du lịch; xử lý hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý các tổ chức cá nhân vi phạm theo quy định của pháp luật.

5. Sở Y tế

a) Phối hợp với các sở, ngành có liên quan và UBND cấp huyện, thành phố thực hiện thanh tra kiểm tra các hoạt động (mát xa, tẩm quất, tắm lá thuốc,...) và các dịch vụ y tế ở các khu, điểm du lịch.

b) Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm đối với các cơ sở kinh doanh lưu trú du lịch, các đơn vị kinh doanh dịch vụ ăn uống theo quy định của pháp luật.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Thực hiện kiểm tra, giám sát, xử lý kiến nghị, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy định về bảo vệ môi trường tại các khu di tích, khu du lịch điểm du lịch các cơ sở kinh doanh du lịch theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các ngành liên quan, UBND cấp huyện quản lý đất đã được quy hoạch để phát triển du lịch, đất trong khu vực di tích đã được công nhận.

7. Sở Tài chính

Phối hợp với các ngành đơn vị có liên quan kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về giá trong lĩnh vực kinh doanh du lịch.

8. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Phối hợp với các ngành, đoàn thể tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện các biện pháp nhằm giải quyết tình trạng ăn xin, bán hàng rong, người lang thang cơ nhỡ, đeo bám du khách tại các khu di tích, khu du lịch, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh.

b) Quản lý chất lượng đào tạo nghề du lịch trên địa bàn tỉnh, cung cấp thông tin thị trường, tư vấn, giới thiệu việc làm cho lao động sau đào tạo.

9. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Quản lý nhà nước về chất lượng nông, lâm sản, an toàn thực phẩm đối với những sản phẩm thực phẩm và cơ sở sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thực phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành về an toàn thực phẩm.

b) Hình thành các vùng trồng rau, hoa, vườn cây ăn quả có thể khai thác thành các điểm tham quan du lịch.

10. Sở Giao thông Vận tải

a) Có trách nhiệm quản lý hoạt động kinh doanh dịch vụ vận chuyển khách du lịch theo quy định. Phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn tổ chức cá nhân vị trí cắm biển chỉ dẫn, biển quảng cáo du lịch đảm bảo an toàn hành lang giao thông.

b) Quy hoạch hệ thống các điểm đỗ xe du lịch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

11. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng và hệ thống cơ sở tuyên truyền quảng bá hình ảnh du lịch Lai Châu; các điển hình tiên tiến trong du lịch; tuyên truyền khuyến cáo việc nên làm và không nên làm khi đi du lịch tại Lai Châu đến các tổ chức cá nhân có nhu cầu tham gia du lịch;

b) Thẩm định cấp phép xuất bản các tài liệu không kinh doanh, bản tin; cấp phép tổ chức họp báo, hội chợ triển lãm, xuất bản phẩm cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu liên quan đến lĩnh vực thông tin truyền thông trong hoạt động du lịch theo quy định của pháp luật;

c) Triển khai thí điểm ứng dụng du lịch thông minh trên địa bàn tỉnh.

12. Sở Xây dựng

Thẩm định quy hoạch, dự án đầu tư, cấp phép xây dựng công trình du lịch trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật về xây dựng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

13. Công an tỉnh

a) Quản lý việc thực hiện đăng ký khách lưu trú, xuất nhập cảnh đối với khách du lịch quốc tế; quản lý người nước ngoài cư trú, làm việc, hoạt động trong lĩnh vực du lịch; hướng dẫn, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân hoạt động, kinh doanh du lịch và khách du lịch thực hiện đúng quy định về thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú, đi lại tại Việt Nam và các quy định khác liên quan đến an ninh, trật tự.

b) Thông tin kịp thời về âm mưu, thủ đoạn hoạt động của các thế lực thù địch lợi dụng hoạt động du lịch xâm phạm an ninh, trật tự, nhằm nâng cao tinh thần cảnh giác, ý thức trách nhiệm của cán bộ, nhân viên ngành du lịch với sự nghiệp bảo vệ an ninh Tổ quốc.

c) Phối hợp cung cấp thông tin về số liệu, lượng khách du lịch quốc tế đến Lai Châu, cơ cấu khách du lịch do cơ sở lưu trú du lịch khai báo; tình hình an ninh trật tự xã hội ở các địa bàn du lịch, khi có yêu cầu phục vụ công tác quản lý nhà nước về du lịch.

14. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các địa phương, các sở ngành liên quan bảo vệ chủ quyền lãnh thổ và bảo đảm an ninh quốc phòng trong khu, điểm du lịch; bản du lịch cộng đồng ở khu vực biên giới.

b) Kiểm soát việc xuất, nhập cảnh qua cửa khẩu, lối mở của người phương tiện đi du lịch theo quy định của pháp luật.

15. Đài Phát thanh - Truyền hình; Báo Lai Châu

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tăng cường tuyên truyền, xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, phim quảng bá hình ảnh du lịch Lai Châu.

b) Tuyên truyền rộng rãi các tổ chức, cá nhân điển hình tiên tiến trong du lịch; khuyến cáo các hành vi gian lận, các hành vi nghiêm cấm trong lĩnh vực kinh doanh du lịch.

16. Cục Thuế tỉnh

a) Cung cấp thông tin số liệu có liên quan về thu ngân sách, thuế từ hoạt động kinh doanh du lịch cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, khi có yêu cầu phục vụ công tác quản lý nhà nước về du lịch.

b) Tổ chức quản lý chặt chẽ nguồn thu thuế từ hoạt động du lịch; phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch kiểm tra, rà soát, đánh giá tỷ trọng nguồn thu từ hoạt động du lịch trong tổng thu ngân sách của tỉnh.

17. Hiệp hội Du lịch tỉnh Lai Châu

Phát huy vai trò cầu nối giữa doanh nghiệp du lịch và cơ quan quản lý nhà nước trong các hoạt động của ngành du lịch như quảng bá xúc tiến du lịch, đề xuất cơ chế chính sách về du lịch, kiến nghị phản ánh liên quan hoạt động quản lý nhà nước về du lịch.

18. Các cơ sở kinh doanh du lịch thực hiện công tác bảo vệ nội bộ, bảo vệ tài sản, giữ gìn an ninh trật tự; phòng, chống cháy nổ; tổ chức lực lượng bảo vệ theo nội quy và các quy định khác liên quan đến an ninh, trật tự đối với đơn vị mình quản lý.

19. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Chỉ đạo kiểm tra, kiểm soát các hoạt động buôn bán hàng rong, các hành vi gây mất trật tự, tranh giành khách, lừa đảo trong hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch; chống các hành vi cò mồi, các tệ nạn xã hội trong khu vực quy định khu du lịch, điểm du lịch, các di tích lịch sử - văn hóa, các cơ sở thờ tự, tín ngưỡng tôn giáo trên địa bàn quản lý;

b) Phối hợp với các cơ quan chuyên môn của tỉnh xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển du lịch, theo dõi kiểm tra đôn đốc tiến độ triển khai thực hiện dự án đầu tư du lịch trên địa bàn. Phối hợp với các cơ quan chuyên môn kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm và tổ chức thực hiện các dịch vụ y tế ở các khu, điểm du lịch;

c) Căn cứ Quy hoạch phát triển du lịch của tỉnh; các điều kiện quy định về điểm du lịch và tình hình thực tế phát triển du lịch của địa phương, quyết định mô hình quản lý các khu, điểm du lịch cấp huyện, thành phố;

d) Có biện pháp chống các hành vi môi giới không lành mạnh, các tệ nạn xã hội trong khu vực du lịch, điểm du lịch, các di tích lịch sử - văn hóa, các cơ sở thờ tự, tín ngưỡng tôn giáo trên địa bàn quản lý;

e) Quản lý các hoạt động kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch, dịch vụ ăn uống, quán bar, vũ trường; tổ chức các bãi đỗ xe, thuê xe ô tô, mô tô tại các khu, điểm du lịch trên địa bàn đảm bảo an toàn, thân thiện;

g) Hướng dẫn mẫu niêm yết giá dịch vụ lưu trú có số điện thoại liên hệ trong mẫu niêm yết và triển khai việc niêm yết công khai bảng giá dịch vụ lưu trú trên địa bàn; chủ trì việc triển khai, thực hiện các quy định liên quan tới niêm yết giá dịch vụ du lịch khác.

**Chương III**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 14. Khen thưởng, xử lý vi phạm**

1. Khen thưởng: Các tổ chức, cá nhân có nhiều thành tích trong việc tổ chức thực hiện Quy định này sẽ được xem xét, đề nghị khen thưởng theo quy định.

2. Xử lý vi phạm: Các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 15. Khiếu nại, tố cáo**

1. Việc khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến hoạt động du lịch, quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn tỉnh Lai Châu được thực hiện theo quy định của Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo và pháp luật có liên quan.

2. Các yêu cầu, kiến nghị của tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh Lai Châu được gửi đến Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch; Thanh tra du lịch có trách nhiệm tiếp nhận và giải quyết kịp thời hoặc báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết và trả lời theo quy định của pháp luật.

**Điều 16. Sửa đổi, bổ sung**

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các sở, ban, ngành tỉnh, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan; UBND cấp huyện phản ánh về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, để tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH LAI CHÂU**  Số: 09/2020/UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Lai Châu, ngày 26 tháng 02 năm 2020* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**QUY ĐỊNH HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN**

**TỈNH LAI CHÂU**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;*

*Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Nghị định số 79/2019/NĐ-CP ngày 26/10/2019 của Chính phủ sửa đổi Điều 16 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;*

*Căn cứ Nghị định số 96/2019/NĐ-CP ngày 19/12/2019 của Chính phủ quy định về khung giá đất;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất, xây dựng điều chỉnh bảng giá đất, định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;*

*Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;*

*Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;*

*Căn cứ Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Thực hiện ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Văn bản số 41/HĐND-VP ngày 26 tháng 12 năm 2020 về việc thống nhất các nội dung đề nghị của UBND tỉnh năm 2020;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2020 để tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai, cơ quan có chức năng xác định giá đất cụ thể.

2. Tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

3. Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác có liên quan

**Điều 3. Hệ số điều chỉnh giá đất**

Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh được quy định bằng 1 (k = 1) đối với tất cả các loại đất có cùng vị trí, khu vực tương ứng với các loại đất quy định trong bảng giá đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

**Điều 4. Các trường hợp áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất**

1. Quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất, đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai, cụ thể:

a) Các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 4 Điều 114, khoản 2 Điều 172 và khoản 3 Điều 189 của Luật Đất đai, xác định giá đất để làm giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê mà thửa đất hoặc khu đất của dự án có giá trị *(tính theo giá đất trong bảng giá đất)* dưới 10 tỷ đồng.

b) Xác định giá đất để làm căn cứ tính tiền thuê đất khi Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm mà phải xác định lại đơn giá thuê đất để điều chỉnh cho chu kỳ tiếp theo.

c) Xác định giá đất để làm cơ sở xác định giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm.

2. Quy định tại điểm c, khoản 3, Điều 3 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, cụ thể:

Đối với trường hợp diện tích tính thu tiền sử dụng đất của thửa đất hoặc khu đất có giá trị *(tính theo giá đất trong Bảng giá đất)* dưới 10 tỷ đồng áp dụng để xác định tiền sử dụng đất trong các trường hợp:

a) Tổ chức được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất;

b) Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất;

c) Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với diện tích đất ở vượt hạn mức.

3. Quy định tại khoản 5, Điều 4 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước, đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1, Điều 3 Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

a) Xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm đối với trường hợp thuê đất sử dụng vào mục đích kinh doanh thương mại, dịch vụ, bất động sản khai thác khoáng sản; xác định đơn giá thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê không thông qua hình thức đấu giá; xác định đơn giá thuê đất khi chuyển từ thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm sang thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê theo quy định tại khoản 2 Điều 172 Luật Đất đai; xác định đơn giá thuê đất khi nhận chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất thuê theo quy định tại khoản 3 Điều 189 Luật Đất đai; xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm và đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được áp dụng trong trường hợp diện tích tính thu tiền thuê đất của thửa đất hoặc khu đất có giá trị *(tính theo giá đất trong Bảng giá đất)* dưới 10 tỷ đồng.

b) Xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm cho chu kỳ ổn định tiếp theo đối với thửa đất hoặc khu đất được Nhà nước cho thuê sử dụng vào mục đích kinh doanh thương mại, dịch vụ, bất động sản, khai thác khoáng sản có giá trị *(tính theo giá đất trong Bảng giá đất)* từ 10 tỷ đồng trở lên.

c) Xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm *(không bao gồm trường hợp thuê đất sử dụng vào mục đích kinh doanh thương mại, dịch vụ, bất động sản, khai thác khoáng sản)*.

d) Xác định giá khởi điểm trong đấu giá quyền sử dụng đất để cho thuê theo hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.

**Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Tài chính có trách nhiệm: Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định, thông tin giá đất chuyển nhượng thực tế trên thị trường để rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, bổ sung, sửa đổi Hệ số điều chỉnh giá đất cho phù hợp với tình hình thực tế.

2. Cơ quan thuế có trách nhiệm: Căn cứ hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Quyết định này và các quy định của pháp luật có liên quan để xác định và thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc về giá đất *(sau khi áp dụng hệ số)* để xác định nghĩa vụ tài chính thì Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các ngành liên quan có trách nhiệm phản ảnh, đề xuất ý kiến gửi về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

**Điều 6. Hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 3 năm 2020 và thay thế Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND ngày 21/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu quy định về Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh. Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tư pháp; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 6; - Bộ Tài chính; Báo cáo - Bộ TNMT; Báo cáo - Bộ Tư pháp; Báo cáo - Cục Kiểm tra VB, Bộ TP Báo cáo - TT. Tỉnh ủy; Báo cáo - TT. HĐND tỉnh; - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh; - Đoàn ĐBQH tỉnh; - Ủy ban MTTQ tỉnh; - Sở Tư pháp; - Báo Lai Châu; - Đài PTTH tỉnh; - Lưu: VT, KTN. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN KT. CHỦ TỊCH PHÓ CHỦ TỊCH     Giàng A Tính** |